

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 1968/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 11 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập";

Căn cứ Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ; Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số

193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 37/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định điều kiện thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 03/2015/TT-BKHCN ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Ban hành điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 42/TTr-SoKHCN ngày 14 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ về Tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Nội vụ và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Tài chính, Tư pháp;
- Quỹ đầu tư phát triển tỉnh;
- Lưu VT, KGVX.



Dương Minh Dũng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 11 tháng 6 năm 2025

ĐIỀU LỆ

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ TỈNH ĐỒNG NAI**

*(kèm theo Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Địa vị pháp lý

1. Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi tắt là Quỹ) là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Hoạt động của Quỹ không vì mục đích lợi nhuận, có chức năng tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách và các nguồn vốn khác của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

2. Vốn điều lệ của Quỹ là 100.000.000.000 VNĐ (một trăm tỷ đồng) được cấp từ ngân sách nhà nước dành cho sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh.

3. Về tên gọi

- Tên tiếng Việt: Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai.
- Tên giao dịch quốc tế: Dong Nai Foundation for Science and Technology Development.
- Tên viết tắt: DNFOSTED.

4. Trụ sở của Quỹ đặt tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai (số 1597 Đường Phạm Văn Thuận, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

5. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là Giám đốc Quỹ.

Điều 2. Tính chất và mục đích hoạt động

1. Quỹ hoạt động nhằm mục đích tài trợ, cấp kinh phí, cho vay, bảo lãnh vốn vay và hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ.

2. Hoạt động của Quỹ nhằm hỗ trợ, thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 3. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

Quỹ hoạt động theo mô hình Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, tự đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư (nhóm 1), không vì mục đích lợi nhuận, quản lý và sử dụng vốn theo các quy định pháp luật hiện hành. Vốn hoạt động của Quỹ được hình thành từ các nguồn sau:

1. Vốn do ngân sách nhà nước cấp

a) Vốn điều lệ của Quỹ là 100 tỷ đồng được cấp một lần từ ngân sách Nhà nước dành cho sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh nhằm thực hiện các hoạt động tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay và hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ. Những năm tiếp theo căn cứ vào tình hình hoạt động của Quỹ, tùy theo nhu cầu, khả năng hoạt động và khả năng cân đối ngân sách tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ đề xuất cụ thể trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thay đổi quy mô vốn điều lệ của Quỹ dựa vào hiệu quả hoạt động của Quỹ.

b) Ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm cấp thông qua Quỹ cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được phân cấp quản lý cho tỉnh, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ hoặc cấp tỉnh do tỉnh trực tiếp quản lý.

c) Các nguồn ngân sách khác.

2. Vốn cấp bổ sung

a) Từ khoản kinh phí thu hồi từ các dự án sản xuất thử nghiệm, các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ quản lý) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo thẩm quyền.

b) Từ các dự án sản xuất thử nghiệm, các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ đầu tư trên địa bàn tỉnh và do Bộ trưởng quyết định theo thẩm quyền.

c) Kinh phí được điều chuyển từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc tỉnh trực tiếp quản lý; kinh phí được điều chuyển tự nguyện hoặc nhận ủy thác từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp ngoài Nhà nước.

d) Các khoản đóng góp tự nguyện, tài trợ, hỗ trợ, hiến tặng và nhận ủy thác của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và ngoài nước và các nguồn vốn bổ sung khác theo quy định của pháp luật.

đ) Các khoản thu từ hoạt động của Quỹ, khoản phân chia lợi nhuận thu được từ việc sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và các khoản thu hợp pháp khác (nếu có).

e) Các nguồn khác mà pháp luật không cấm.

3. Các hoạt động cho vay, bảo lãnh vốn vay được Quỹ thực hiện thông qua hình thức uỷ thác cho các Quỹ tài chính, tổ chức tín dụng.

4. Quỹ được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức hoạt động của Quỹ

1. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ gồm Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát và Cơ quan điều hành Quỹ.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ do tổ chức, cá nhân đề xuất tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay và hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ đề xuất hỗ trợ được xét chọn công khai, dân chủ, bình đẳng.

3. Quỹ hoạt động theo cơ chế tài chính áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập có thu tự đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư, hạch toán độc lập, không vì mục đích lợi nhuận; theo Điều lệ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Quỹ thực hiện mọi khoản thu, chi công khai, minh bạch, đúng mục đích cho hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Đối tượng được Quỹ cấp kinh phí, tài trợ, cho vay, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay

1. Đối tượng cấp kinh phí

a) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được phân cấp giao cho hoặc trực tiếp quản lý.

b) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Đối tượng tài trợ: một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở do tổ chức, cá nhân đề xuất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Đối tượng cho vay: các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Đối tượng hỗ trợ: các hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ trong phạm vi của tỉnh, nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

5. Đối tượng bảo lãnh vốn vay: các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 6. Điều kiện đăng ký tài trợ, vay vốn, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay

1. Tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ và nhận tài trợ, vay vốn của Quỹ phải có đủ năng lực chuyên môn và điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp với từng loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Tổ chức đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải là tổ chức khoa học và công nghệ hoặc doanh nghiệp khoa học công nghệ.

2. Tổ chức và cá nhân đề xuất vay vốn của Quỹ hoặc được Quỹ bảo lãnh vốn vay phải tuân theo các quy định của Quỹ và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức và cá nhân đăng ký hỗ trợ nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và công nghệ phải có chuyên môn phù hợp với loại hình đề nghị hỗ trợ.

4. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký tài trợ, vay vốn không được trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã hoặc đang được thực hiện bằng nguồn ngân sách nhà nước.

5. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ do tổ chức, cá nhân đề xuất xin tài trợ, vay vốn của Quỹ được xét chọn công khai, dân chủ, bình đẳng thông qua Hội đồng khoa học và công nghệ do Quỹ thành lập.

6. Tổ chức, cá nhân đã ký hợp đồng tài trợ, vay vốn muốn tiếp tục nhận tài trợ, vay vốn phải hoàn thành việc thực hiện hợp đồng dự án đã ký trước với Quỹ.

CHƯƠNG II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, BỘ MÁY TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ

1. Tiếp nhận và nhận ủy thác các nguồn vốn của Nhà nước, tổ chức, cá nhân; huy động các khoản đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; quản lý và sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả; bảo toàn và phát triển các nguồn vốn của Quỹ.

2. Tổ chức thực hiện cấp kinh phí, tài trợ, cho vay, hỗ trợ, bảo lãnh vốn vay thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Xây dựng và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch hoạt động trung và dài hạn của Quỹ.

4. Công bố các định hướng ưu tiên, nội dung, yêu cầu, thể thức cụ thể để đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các hoạt động nâng cao năng lực thích hợp đề nghị Quỹ tài trợ, cho vay, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay.

5. Tổ chức việc xét chọn và thẩm định kinh phí các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các hoạt động nâng cao năng lực để Quỹ tài trợ, cho vay, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay.

6. Kiểm tra, đánh giá về nội dung chuyên môn và tình hình thực hiện tài chính của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các hoạt động nâng cao năng lực do Quỹ tài trợ, cho vay, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay. Kiểm tra tài chính các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Quỹ cấp kinh phí.

7. Tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ. Đánh giá kết quả các nhiệm vụ, hoạt động nâng cao năng lực mà Quỹ cho vay, bảo lãnh và hỗ trợ.

8. Đình chỉ hoặc trình các cơ quan có thẩm quyền đình chỉ việc cấp kinh phí, tài trợ, cho vay, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay hoặc thu hồi kinh phí đã cấp, kinh phí tài trợ, cho vay và hỗ trợ khi phát hiện tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các hoạt động nâng cao năng lực vi phạm các quy định về sử dụng vốn của Quỹ và các quy định pháp luật có liên quan.

9. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản của Nhà nước giao và các nguồn lực khác theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật.

10. Quản lý tổ chức và lao động của Quỹ theo quy định của pháp luật

11. Ban hành Quy chế hoạt động và các quy định khác phục vụ cho hoạt động của Quỹ.

12. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất với các cơ quan quản lý theo quy định.

13. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định pháp luật.

14. Chấp hành các quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ, các quy định khác của pháp luật có liên quan. Kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm

quyền ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ.

15. Hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước để vận động tài trợ cho Quỹ hoặc ủy thác cho Quỹ tài trợ, cho vay để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Hội đồng Quản lý Quỹ có 05 hoặc 07 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên là các nhà quản lý, nhà khoa học, làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Căn cứ vào quy mô, tính chất và điều kiện thực tế hoạt động của Quỹ, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản lý.

a) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

b) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Lãnh đạo tỉnh hoặc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh kiêm nhiệm.

c) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ là 05 năm và các thành viên tham gia Hội đồng quản lý Quỹ không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Hội đồng quản lý Quỹ mới chưa được bổ nhiệm thì Hội đồng quản lý Quỹ của nhiệm kỳ hiện tại tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Hội đồng quản lý Quỹ mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

3. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau

a) Bị Toà án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

c) Không trung thực khi thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc người khác.

d) Vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này.

4. Thành viên Hội đồng quản lý được thay thế trong những trường hợp sau

a) Xin từ chức.

b) Không đảm bảo sức khỏe đảm nhận công việc.

c) Bị miễn nhiệm theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

d) Chuyển công tác hoặc bố trí công việc khác.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

a) Quyết định phương hướng và kế hoạch hoạt động của Quỹ trên cơ sở các định hướng ưu tiên phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh;

b) Phê duyệt kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ;

c) Trình Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm Giám đốc Quỹ, Phó Giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng của Quỹ;

d) Ban hành các văn bản quy định về hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ, Hội đồng khoa học và công nghệ; trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản quy định về hoạt động nghiệp vụ của Quỹ; Xây dựng Quy chế quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thanh toán kinh phí hoặc phân cấp cho Cơ quan điều hành Quỹ thanh toán kinh phí cho các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Quy chế quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và theo tiến độ;

đ) Giám sát, kiểm tra hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ trong việc thực hiện quy định của Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ; Chủ trì hoặc phân cấp cho Cơ quan điều hành Quỹ kiểm tra hồ sơ, chứng từ thanh toán theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13/4/2025 của Chính phủ về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cấp thông qua các quỹ phát triển khoa học và công nghệ và lập chứng từ chuyển tiền gửi Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản để thanh toán tiền từ tài khoản tiền gửi của quỹ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

e) Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát, các báo cáo kết quả kiểm soát và báo cáo thẩm định quyết toán tài chính của Ban Kiểm soát Quỹ;

g) Thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ để tư vấn chuyên môn cho Quỹ;

h) Quyết định tài trợ, cho vay, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay theo các quy định tại Điều lệ này;

i) Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

k) Hội đồng quản lý Quỹ sử dụng bộ máy và con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

l) Tổ chức kiểm tra, đánh giá để bảo đảm việc sử dụng kinh phí của các tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đúng mục đích, yêu cầu và tiến độ giải ngân;

m) Xem xét, quyết định việc thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán việc sử dụng kinh phí của tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cơ sở đảm bảo tiến độ thời gian lập. Kinh phí thuê kiểm toán độc lập được bố trí trong nội dung chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Quỹ.

o) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

p) Giải quyết theo quy định của pháp luật các khiếu nại của tổ chức, cá nhân vay vốn hoặc nhận hỗ trợ từ Quỹ;

q) Bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng ban và các thành viên của Ban kiểm soát Quỹ;

6. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

a) Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể; ba tháng họp một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ; họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, hoặc Giám đốc Quỹ, hoặc Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ, hoặc khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị;

b) Đối với các vấn đề cần quyết định giữa các phiên họp, Cơ quan điều hành Quỹ gửi tài liệu và Phiếu lấy ý kiến đến từng thành viên Hội đồng;

c) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ được coi là hợp lệ khi ít nhất có 2/3 số thành viên có mặt và phải do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ được ủy quyền chủ trì. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo đa số trên tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ. Trường hợp ý kiến biểu quyết của các thành viên Hội đồng ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Nội dung và các kết luận của cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi thành biên bản và gửi đến tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

7. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ được tính vào chi phí hoạt động quản lý của Quỹ.

Điều 9. Ban Kiểm soát Quỹ

1. Tổ chức của Ban Kiểm soát Quỹ

a) Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm hoặc chuyên trách, có 03 thành viên. Thành viên Ban kiểm soát là các chuyên gia am hiểu về lĩnh vực tài chính, tín dụng, đầu tư, khoa học và công nghệ, pháp luật, không có tiền án, tiền sự

về các tội danh liên quan đến hoạt động kinh tế theo quy định của pháp luật. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát Quỹ là 05 năm;

b) Ban Kiểm soát gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và 01 thành viên do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm;

c) Thành viên của Ban Kiểm soát không được là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ, Phó Giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng của Quỹ.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát Quỹ

a) Giúp Hội đồng quản lý Quỹ giám sát hoạt động của bộ máy điều hành Quỹ;

b) Kiểm tra và báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ việc cơ quan điều hành Quỹ chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ kế toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ. Định kỳ hàng tháng, quý, năm và theo vụ việc, Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ bằng văn bản kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của Quỹ;

d) Tiến hành công việc một cách độc lập theo chương trình đã được Hội đồng quản lý Quỹ thông qua; có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao; được sử dụng hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ của Quỹ; được sử dụng con dấu của Quỹ;

đ) Xem xét, trình Hội đồng quản lý Quỹ giải quyết khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động của Quỹ;

e) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Hội đồng quản lý Quỹ giao.

3. Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ hoặc thành viên của Ban Kiểm soát Quỹ được Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ ủy quyền có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ, phát biểu ý kiến về các nội dung mà Hội đồng quản lý Quỹ thảo luận, nhưng không được quyền biểu quyết.

4. Ban Kiểm soát Quỹ hoạt động theo quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành. Các thành viên Ban Kiểm soát Quỹ thực hiện nhiệm vụ được giao một cách độc lập và chịu trách nhiệm cá nhân trước Trưởng Ban Kiểm soát, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật về nhiệm vụ được giao; được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm, thù lao và các quyền khác theo quy định của Nhà nước.

5. Kinh phí hoạt động của Ban Kiểm soát Quỹ được tính vào chi phí hoạt động quản lý của Quỹ.

Điều 10. Cơ quan điều hành Quỹ

1. Cơ quan điều hành Quỹ bao gồm: Giám đốc, không quá 02 Phó Giám đốc (trong đó 01 Phó Giám đốc của Quỹ là Lãnh đạo cấp sở hoặc cấp phòng của Sở Tài chính tỉnh kiêm nhiệm), Kế toán trưởng và các phòng ban nghiệp vụ. Trong đó:

- Kế toán trưởng của Quỹ làm việc theo chế độ chuyên trách.
- Giám đốc của Quỹ là Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ của tỉnh kiêm nhiệm.

Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban nghiệp vụ giúp việc Cơ quan điều hành Quỹ do Giám đốc của Quỹ quyết định sau khi có ý kiến chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

Cơ quan điều hành Quỹ làm việc theo chế độ chuyên trách và kiêm nhiệm. Thời gian làm việc kiêm nhiệm tại Quỹ tối thiểu 50%. Các vị trí nhân sự khác của Cơ quan điều hành Quỹ được tuyển dụng, điều động trên cơ sở điều tiết trong phạm vi tổng biên chế sự nghiệp hiện có của tỉnh.

2. Giám đốc của Quỹ là người đại diện theo pháp luật trong các hoạt động của Quỹ; đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tổ tụng, tranh chấp liên quan đến hoạt động của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động của Quỹ theo nhiệm vụ và quyền hạn được quy định.

Giám đốc của Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ, theo nhiệm kỳ 05 năm.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ

- a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của tỉnh giao cho Quỹ.
- b) Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ; thực hiện các vấn đề liên quan đến các hoạt động của Quỹ theo Điều lệ, Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ và theo quy định của pháp luật.
- c) Chủ trì xây dựng quy định về hoạt động trong từng thời kỳ và các văn bản khác có liên quan trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét:
 - Quy định về hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.
 - Các văn bản khác theo quy định.
- d) Chuẩn bị nội dung, tài liệu và tổ chức các hội nghị của Hội đồng quản lý Quỹ và Hội đồng khoa học và công nghệ. Được tham gia các phiên họp của Hội đồng quản lý Quỹ, được tham gia ý kiến về các nội dung mà Hội đồng quản lý Quỹ thảo luận nhưng không được biểu quyết.

d) Trình quyết định tài trợ, cho vay, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay theo các quy định tại Điều lệ này để Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

e) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh trưởng, phó các phòng ban nghiệp vụ và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Giám đốc.

g) Quản lý nhân sự, tài sản và vốn của Quỹ.

h) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình theo quy định của pháp luật.

i) Báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Điều lệ này và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

k) Trình Hội đồng quản lý Quỹ:

- Xây dựng Quy chế làm việc nội bộ, phân công nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm cụ thể gắn với kết quả công việc đối với từng vị trí kiêm nhiệm tại Quỹ; Quy trình phối hợp công tác, chế độ thông tin, báo cáo giữa các bộ phận, cá nhân hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm và chuyên trách (Kế toán trưởng) trong nội bộ Quỹ.

- Phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ.

- Đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

m) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác quy định tại Điều lệ này.

4. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ

a) Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ do Giám đốc đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, theo nhiệm kỳ 5 năm.

b) Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ giúp Giám đốc Quỹ điều hành một số lĩnh vực, nhiệm vụ theo phân công của Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

c) Đối với chức danh Kế toán trưởng:

Quỹ thực hiện chế độ Kế toán trưởng chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Trường hợp chưa bố trí hoặc tuyển dụng được nhân sự phù hợp, Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm kiêm nhiệm chức danh Kế toán trưởng để bảo đảm kịp thời đưa Quỹ vào hoạt động. Sau khi đảm bảo được các điều kiện hoạt động, Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm Kế toán trưởng chuyên trách theo quy định.

5. Kinh phí hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ được tính vào chi phí hoạt động quản lý của Quỹ.

Điều 11. Hội đồng khoa học và công nghệ

1. Hội đồng khoa học và công nghệ có 05 hoặc 07 thành viên do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ để tư vấn đánh giá xét chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cho vay, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay; đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với hoạt động tài trợ; xác định hướng nghiên cứu và các vấn đề liên quan khác.

Thành viên của Hội đồng khoa học và công nghệ phải là những nhà khoa học, nhà quản lý có uy tín, có phẩm chất tốt, có năng lực chuyên môn cao về khoa học và công nghệ, tài chính và có kinh nghiệm phù hợp.

2. Hội đồng khoa học và công nghệ hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật theo quy định về hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

3. Kinh phí hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ được tính vào chi phí hoạt động quản lý của Quỹ.

Điều 12. Hoạt động cấp kinh phí của Quỹ

1. Quỹ thực hiện cấp kinh phí

a) Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia giao cho tỉnh trực tiếp quản lý, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và trực tiếp quản lý.

b) Việc cấp kinh phí căn cứ vào hợp đồng ký kết giữa Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ. Kinh phí được cấp phù hợp với tiến độ của hợp đồng.

c) Quỹ thực hiện tổng hợp số liệu quyết toán kinh phí cấp và báo cáo UBND tỉnh theo quy định hiện hành.

2. Quỹ không thực hiện việc xét chọn, tuyển chọn, đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà Quỹ thực hiện cấp kinh phí.

Điều 13. Hoạt động tài trợ của Quỹ

Quỹ tài trợ toàn bộ hoặc một phần cho tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau:

1. Các đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, ưu tiên các đề tài phù hợp với các định hướng đã được phê duyệt trong

Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh công bố hàng năm.

2. Các đề tài nghiên cứu ứng dụng, ưu tiên các đề tài nghiên cứu ứng dụng để tạo ra công nghệ mới, đổi mới công nghệ theo định hướng ưu tiên của tỉnh công bố hàng năm.

3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất mới phát sinh có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng thuộc các lĩnh vực khoa học công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và khoa học liên ngành.

Điều 14. Hoạt động cho vay và bảo lãnh vay vốn của Quỹ

1. Quỹ cho vay với lãi suất ưu đãi hoặc không lấy lãi đối với các dự án khoa học và công nghệ như sau

a) Dự án được vay vốn không lấy lãi bao gồm các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra trong nước; ứng dụng công nghệ cao hoặc sản xuất sản phẩm công nghệ cao; tạo việc làm và thu nhập tại các vùng nông thôn; đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội.

b) Dự án được vay vốn với lãi suất thấp bao gồm các dự án đổi mới công nghệ nhằm tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng và sức cạnh tranh cao.

c) Quỹ cho vay theo nguyên tắc có hoàn trả. Các đối tượng vay vốn phải bảo đảm các yêu cầu:

- Đúng đối tượng, tuân theo các quy định hiện hành của Nhà nước và quy định này.

- Hồ sơ xin vay vốn được đánh giá, xét duyệt công khai, minh bạch.

- Quỹ cho vay để thực hiện dự án, nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ trong kế hoạch của Nhà nước, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội đối với tỉnh và không được trùng lặp với các dự án đã được các Chương trình, Quỹ khác thuộc ngân sách nhà nước cho vay.

- Sử dụng vốn vay đúng mục đích đã ghi trong hợp đồng tín dụng.

- Có khả năng tài chính để hoàn trả đầy đủ và đúng hạn vốn vay.

d) Mức vốn vay và thẩm quyền quyết định mức vốn vay trong phạm vi khả năng nguồn vốn cho phép của Quỹ, phù hợp với kế hoạch sử dụng vốn, kế hoạch thu - chi tài chính hàng năm đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

đ) Thời hạn cho vay được xác định phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ, điều kiện cụ thể của dự án vay vốn và khả năng trả nợ của người vay, nhưng không quá 60 tháng. Trường hợp đặc biệt do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

e) Lãi suất vay:

- Cho vay không lấy lãi đối với các dự án quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

- Cho vay với lãi suất bằng lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước được Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định trong từng thời kỳ đối với các dự án đổi mới công nghệ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

- Hội đồng quản lý Quỹ quyết định cho vay không lấy lãi hoặc cho vay với lãi suất thấp đối với từng dự án cụ thể trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

- Đối với trường hợp cho vay với lãi suất thấp được thực hiện từ nguồn vốn huy động ngoài ngân sách để thực hiện các dự án, chương trình khoa học công nghệ, mức lãi suất cho vay được Quỹ công bố tại từng thời điểm, căn cứ vào thỏa thuận giữa Quỹ và tổ chức tài chính, ngân hàng trong nước và ngoài nước cho vay ưu đãi.

- Mức lãi suất cho vay quy định tại Điều này là lãi suất cố định trong suốt thời gian vay vốn thực hiện dự án.

g) Bảo đảm tiền vay:

- Quỹ cho vay trên cơ sở có tài sản bảo đảm bằng các hình thức cầm cố tài sản, thế chấp tài sản và các biện pháp đảm bảo khác nếu có theo quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm và các quy định pháp luật có liên quan.

- Trong trường hợp việc cho vay không có tài sản bảo đảm đối với các dự án có tính chất đầu tư sẽ do Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

h) Hàng năm, Quỹ được trích lập dự phòng rủi ro để xử lý bù đắp tổn thất rủi ro trong hoạt động cho vay. Mức trích lập quỹ dự phòng rủi ro, xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro thực hiện theo các quy định của pháp luật.

2. Quỹ thực hiện bảo lãnh vốn vay cho các dự án khoa học và công nghệ như sau

a) Điều kiện để chủ dự án được bảo lãnh vốn vay:

- Dự án đã được tổ chức tín dụng khác thẩm định cho vay và có văn bản yêu cầu bảo lãnh gửi Quỹ.

- Phương án tài chính, phương án trả nợ vốn vay được Quỹ chấp thuận;
- Có tài sản đảm bảo bằng hình thức cầm cố, thế chấp được Quỹ chấp nhận.

b) Mức bảo lãnh và thẩm quyền quyết định mức bảo lãnh không vượt quá mức vốn vay.

c) Thời hạn bảo lãnh vốn vay được xác định phù hợp với thời hạn vay vốn đã thoả thuận giữa chủ dự án với tổ chức tín dụng cho vay thực hiện dự án, nhưng không quá khung thời gian cho vay được quy định của Quỹ.

d) Chủ dự án được bảo lãnh vốn vay phải trả cho Quỹ một khoản phí bảo lãnh bằng phần trăm (%) trên tổng số tiền đang bảo lãnh. Mức cụ thể theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính.

3. Hoạt động cho vay, bảo lãnh vốn vay quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được Quỹ thực hiện thông qua hình thức ủy thác cho các Quỹ tài chính, tổ chức tín dụng. Quỹ tổ chức đánh giá, xét chọn nhiệm vụ cho vay, bảo lãnh vốn vay theo các tiêu chí khoa học và công nghệ. Tổng số vốn cho vay, bảo lãnh vốn vay hàng năm không quá 20% vốn điều lệ của Quỹ. Tổng số dư nợ cho vay và bảo lãnh vốn vay không quá 50% vốn điều lệ của Quỹ.

Điều 15. Hoạt động hỗ trợ của Quỹ

1. Quỹ hỗ trợ một số hoạt động nhằm nâng cao năng lực khoa học và công nghệ trong phạm vi của tỉnh sau đây

a) Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế tại Việt Nam; tham dự và trình bày báo cáo khoa học (oral presentation) tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế tổ chức ở nước ngoài.

b) Thực tập, hợp tác nghiên cứu ngắn hạn (dưới 6 tháng) của nhà khoa học, nghiên cứu sinh đang thực hiện đề tài do Quỹ tài trợ tại các tổ chức khoa học, phòng thí nghiệm ở nước ngoài mà trong nước chưa có đủ điều kiện thực hiện.

c) Công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín.

d) Đăng ký quyền sở hữu trí tuệ.

đ) Xuất bản công trình khoa học có giá trị cao về khoa học và thực tiễn, là kết quả của đề tài/dự án do Quỹ hoặc nguồn ngân sách khác của Nhà nước tài trợ.

e) Hỗ trợ kinh phí sử dụng phòng thí nghiệm của nhà khoa học đầu ngành.

g) Hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

2. Tổng kinh phí hỗ trợ một số hoạt động nhằm nâng cao năng lực khoa học và công nghệ hàng năm không quá 10% vốn điều lệ của Quỹ.

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Ban hành quy chế chỉ tiêu nội bộ để quản lý việc sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và áp dụng công khai, minh bạch.

2. Sử dụng kinh phí đúng mục tiêu, phạm vi, nội dung nghiên cứu được nêu tại Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ; bảo đảm hiệu quả và tiết kiệm.

3. Thanh toán với Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ. Hồ sơ, chứng từ thanh toán gồm

a) Hợp đồng:

- Đối với kinh phí khoán chi: Bảng kê xác định khối lượng công việc hoàn thành gồm các nội dung công việc đã hoàn thành và kinh phí đã sử dụng tương ứng được Chủ nhiệm nhiệm vụ, Kế toán trưởng và Thủ trưởng tổ chức chủ trì xác nhận.

- Đối với kinh phí không khoán chi: Bảng kê xác định khối lượng công việc hoàn thành gồm các nội dung công việc đã hoàn thành và kinh phí đã sử dụng tương ứng được Chủ nhiệm nhiệm vụ, Kế toán trưởng và Thủ trưởng tổ chức chủ trì xác nhận; Hồ sơ, chứng từ minh chứng việc sử dụng kinh phí hợp lý, hợp pháp.

b) Biên bản đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thành trong năm ngân sách).

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ chịu trách nhiệm về hồ sơ lập dự toán kinh phí, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo đảm đúng quy định của pháp luật; lưu trữ hồ sơ của nhiệm vụ, tài liệu minh chứng việc sử dụng kinh phí; chịu trách nhiệm về việc bảo đảm chứng từ hợp lý, hợp pháp và sẵn sàng giải trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Việc sử dụng kinh phí sai mục tiêu, phạm vi, nội dung nghiên cứu được nêu tại Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các hành vi vi phạm khác làm thất thoát ngân sách nhà nước, ngoài việc bị thu hồi kinh phí còn bị xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải được công bố theo quy định của Quỹ và đăng ký, lưu giữ theo quy định hiện hành.

Điều 17. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân vay vốn của Quỹ

1. Cung cấp đủ hồ sơ pháp lý của đơn vị, của dự án đầu tư và ký kết hợp đồng vay vốn của Quỹ.

2. Sử dụng kinh phí đúng mục đích đã được Quỹ phê duyệt.

3. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng, các chế độ do Quỹ quy định và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Báo cáo kết quả thực hiện nội dung của dự án theo định kỳ hàng quý.

5. Kết quả thực hiện phải được công bố theo quy định của Quỹ

Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được tài trợ, hỗ trợ

1. Sử dụng kinh phí hiệu quả, đúng mục đích.

2. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng, các chế độ do Quỹ quy định và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 19. Chế độ báo cáo, tài chính, kế toán của Quỹ

1. Quỹ thực hiện chế độ tài chính, kế toán, quản lý và sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về ngân sách và kế toán.

2. Hàng năm, Quỹ lập dự toán nguồn thu và dự kiến chi đối với hoạt động tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay, hỗ trợ và hoạt động quản lý Quỹ báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

3. Hàng năm, Quỹ lập báo cáo quyết toán tài chính, báo cáo tình xem xét, kiểm tra theo quy định.

4. Quỹ được phép chuyển vốn dư trong năm tài chính sang năm kế tiếp.

5. Định kỳ hàng năm Quỹ có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động của quỹ trên cơ sở các kết quả tài trợ, hỗ trợ, giải ngân của quỹ và chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Quốc gia, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, của tỉnh Đồng Nai gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, đánh giá kết quả hoạt động.

6. Chi hoạt động quản lý Quỹ được sử dụng cho hoạt động của bộ máy quản lý và điều hành Quỹ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

7. Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát về tài chính của Chủ tịch UBND tỉnh.

CHƯƠNG III

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ ĐIỀU LỆ QUỸ

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ

Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ Quỹ phải căn cứ vào các quy định, hướng dẫn của Trung ương, điều kiện cụ thể của tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt./.